

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 16/2019/DSST

Ngày 27- 5-2019

“*V/v: Kiện đòi tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Cảnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Mạnh

2/ Bà Bùi Thị Hà.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Vũ Đức Đuống - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên
tòa:* Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
87/2019/TLST-DS, ngày 11/3/2019, về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/ QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm
2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn T – *Có mặt*

Địa chỉ : Thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị V – *Có mặt*

Địa chỉ : Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại
phiên tòa, nguyên đơn Dương Văn T trình bày:

Giữa gia đình tôi và vợ chồng ông Hồ Văn B, bà Nguyễn Thị V (*ông B,
bà V*) là chỗ quan hệ quen biết và có quan hệ làm ăn với nhau, Tôi là chủ đại
lý kinh doanh phân bón T Luyên. Vào ngày 20/12/2015 vợ chồng ông B, bà V
có ký nhận tiền ứng cà phê của tôi với số tiền là 19.350.000 đồng, hẹn đến
ngày 30/12/2015 sẽ trả. Tuy nhiên đến hạn tôi đòi nhiều lần vợ chồng ông B
không những không trả mà còn chửi bới, xúc phạm gia đình tôi. Nay tôi yêu

cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà V phải trả dứt điểm cho tôi số tiền nói trên. Tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Về án phí DSST và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn:** Ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị V trình bày:

Thứ nhất: Về toàn bộ nội dung của giấy cam kết nhận nợ ngày 20/12/2015 giữa ông Dương Văn T (*đại lý phân bón T Luyên*) với bên nhận nợ có tên là Hồ Văn B, thì tôi khẳng định không phải do tôi Hồ Văn B viết.

Thứ hai: Chữ ký “B” và viết tên “*Hồ Văn B*” phía dưới người ký nhận nợ của giấy cam kết nhận nợ cũng không phải do tôi Hồ Văn B viết và ký. Vì vậy tôi không thừa nhận chữ ký và chữ viết này.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chúng tôi thừa nhận giữa chúng tôi và ông T có quan hệ quen biết, có quan hệ làm ăn với nhau. Trong năm 2015, chúng tôi có nợ tiền mua phân bón và chốt cả phê của ông Dương Văn T (*ông T*). Tuy nhiên tất cả các khoản nợ vợ chồng tôi đã trả hết, khi trả tiền do tin tưởng lẫn nhau nên chúng tôi không lấy giấy trả tiền và gạch sổ nợ. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền nợ 19.350.000 đồng là không đúng, chúng tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có thay đổi, bổ sung gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM’gar phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:* Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Thẩm phán đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS.

- *Đối với đương sự:*

+/ Nguyên đơn: Thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn: Thực hiện chưa đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS, cụ thể là vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/5/2019.

*** Về nội dung vụ án:**

Vào ngày 20/12/2015, giữa ông B và ông T (*Chủ đại lý phân bón T Luyên*) có ký với nhau giấy cam kết nhận nợ. Theo nội dung giấy cam kết nhận nợ thì ông B có nợ của đại lý phân bón T Luyên số tiền là 19.350.000 đồng, hẹn trả vào ngày 30/12/2015.

Đến hạn trả nợ ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông T đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng ông B, bà V phải trả số nợ 19.350.000 đồng. Quá trình giải quyết ông B không thừa nhận chữ ký chữ viết Hồ Văn B trong giấy cam kết trả nợ là do ông viết và ký. Vì vậy ngày 27/3/2019 Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2019/QĐ-TCGD, để tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của ông Hồ Văn B. Tại Kết luận giám định số 26/PC45, ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký có nội dung “B – Hồ Văn B” dưới mục bên nhận nợ của “*Giấy cam kết nhận nợ, đề ngày 20/12/2015(Ký hiệu A1)*” so với chữ viết, chữ ký mang tên “B – Hồ Văn B” trong 03 “*Biên bản giao nhận tại Tòa án (ký hiệu M1,M2,M3)*” là do cùng một người viết và ký ra.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng Điều 166; Điều 430; Điều 437 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Buộc ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn T số tiền còn nợ là 19.340.000 đồng.

Kiến nghị khắc phục: không.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về việc kiện đòi tài sản. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (**BLTTDS**).

2. *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập và có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 20/12/2015, giữa ông B và đại lý kinh doanh phân bón T Luyên, do ông T làm chủ có ký với nhau giấy cam kết nhận nợ. Theo nội dung giấy cam kết nhận nợ thì ông B có nợ của đại lý phân bón T Luyên số tiền là 19.350.000 đồng, hẹn trả vào ngày 30/12/2015. Như vậy việc hai bên có quan hệ mua bán, làm ăn với nhau là có căn cứ và việc ký cam kết nhận nợ giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 428 Bộ Luật dân sự năm 2005, thông qua giấy xác nhận nợ giữa hai bên. Đến hạn trả nợ ông B không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại điều 438 Bộ Luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông B và bà V có nghĩa vụ trả cho ông T khoản nợ 19.350.000 đồng.

Quá trình giải quyết, người ký giấy cam kết nhận nợ là ông Hồ Văn B và vợ ông là bà Hồ Thị V thừa nhận, trong năm 2015 vợ chồng ông bà có mua

phân bón và chột cà phê với ông T. Tuy nhiên ông bà khẳng định đã trả hết nợ cho ông T, vì giữa hai gia đình là chỗ quan hệ quen biết, tin tưởng lẫn nhau nên ông bà không yêu cầu ông T gạch sổ nợ. Đối với nội dung “*giấy cam kết nhận nợ ngày 20/12/2015*” người ký cam kết nhận nợ là Hồ Văn B, theo bị đơn ông B, thì ông không thừa nhận chữ ký và chữ viết Hồ Văn B dưới mục người cam kết nhận nợ là do ông viết và ký. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông B thừa nhận đó là chữ viết và chữ ký của ông B, nhưng do ông T ép buộc ông B phải ký, nhưng ông không chứng minh được việc mình bị ép buộc phải ký.

Để đảm bảo việc giải quyết vụ án một cách khách quan, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Ngày 27/3/2019 Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2019/QĐ-TCGD, để tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của ông Hồ Văn B được thu thập tại Tòa án, so với viết và chữ ký Hồ Văn B trong giấy cam kết nhận nợ ngày 20/12/2015. Tại Kết luận giám định số 26/PC45, ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký có nội dung “*B – Hồ Văn B*” dưới mục bên nhận nợ của “*Giấy cam kết nhận nợ, đề ngày 20/12/2015(Ký hiệu A1)*” so với chữ viết, chữ ký mang tên “*B – Hồ Văn B*” trong 03 “*Biên bản giao nhận tại Tòa án (ký hiệu M1,M2,M3)*” là do cùng một người viết và ký ra.

Về nghĩa vụ trả nợ; Tại giấy cam kết nhận nợ ngày 20/12/2015, mặc dù chỉ một mình ông Hồ Văn B ký giấy xác nhận nợ, nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận trong năm 2015 hai gia đình có quan hệ làm ăn với nhau và theo nguyên đơn thì đây là khoản tiền chột cà phê còn nợ. Vì vậy cần buộc bà V cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông B là phù hợp.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông B và bà V có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền còn nợ là 19.350.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP-TANDTC, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí giám định:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông T không phải chịu án phí và chi phí giám định chữ viết và chữ ký. Ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk và tiền chi phí giám định chữ viết và chữ ký sau khi thu được của bà ông B và bà V.

Bị đơn ông B và bà V phải nộp 967.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: 19.350.000đ x 5% = 967.500đ (chín trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 256; Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T.

Buộc bà ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Văn T số tiền 19.350.000đ (Mười chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

“ Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”

*** Về án phí DSST và các chi phí tố tụng khác:**

Trả lại cho ông Dương Văn T khoản tiền 453.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2017/0007073, ngày 07/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và được nhận lại 3.600.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký sau khi thu được của ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị V.

Bị đơn ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị V phải nộp 967.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quang Cảnh